

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HÓA**

Số: 166 /TTr - UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thanh Hóa, ngày 25 tháng 11 năm 2016

### **TỜ TRÌNH**

**Về việc ban hành Một số chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và thương mại trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ về Công tác quản lý và phát triển chợ; Nghị định số 114/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 02/2003/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về Khuyến công;

Căn cứ Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về Khuyến công;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 26/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 18 tháng 02 năm 2014 của liên Bộ Tài Chính - Bộ Công Thương hướng dẫn trình tự lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương;

Căn cứ Kết luận số 71-KL/TU ngày 19 tháng 6 năm 2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về rà soát các chính sách thuộc lĩnh vực kinh tế, văn hóa - xã hội do HĐND, UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Kết luận số 41-KL/TU ngày 29 tháng 8 năm 2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp, thương mại đến năm 2020; chính sách khuyến khích, hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động đến năm 2020 và chính sách hỗ trợ hoạt động và thu hút, đào tạo cán bộ, giảng viên cho Phân hiệu Đại học Y Hà Nội tại Thanh Hóa;

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thống nhất ban hành Một số chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và thương mại trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa như sau:

## I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH CHÍNH SÁCH

Việc xây dựng Một số chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp, TTCN và thương mại tỉnh Thanh Hóa là cần thiết do:

- **Thứ nhất:** Yêu cầu nhiệm vụ thực hiện thắng lợi mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đại biểu tỉnh Đảng bộ lần thứ XVIII và thực tiễn của tỉnh hiện nay.

Nghị quyết Đại hội Đại biểu tỉnh Đảng bộ lần thứ XVIII xác định mục tiêu: Xây dựng Thanh Hóa trở thành tỉnh khá của cả nước vào năm 2020, đến năm 2030 cơ bản trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại; tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân 5 năm 2016-2020 đạt từ 12%/năm trở lên. Trong đó, phát triển công nghiệp được xác định là lĩnh vực mũi nhọn với quy mô nền công nghiệp đến năm 2020 gấp 3 lần năm 2015, GTSXCN tăng bình quân 24,8%/năm; dịch vụ thương mại đạt mục tiêu tăng trưởng tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ tăng bình quân 22,6% năm, đến năm 2020 đạt 175.000 tỷ đồng.

Phát triển công nghiệp trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp đã cơ bản được xác định và đã có những chính sách hỗ trợ riêng. Song, phát triển công nghiệp khu vực nông thôn, phát triển TTCN và phát triển hạ tầng CCN nhằm phục vụ đời sống dân sinh, chế biến các sản phẩm nông nghiệp, giải quyết việc làm, khắc phục ô nhiễm môi trường... cũng cần được quan tâm. Các ngành nghề TTCN ngoài KKT và KCN (chiếm gần 30% giá trị SXCN toàn tỉnh) đang rất khó khăn trong thu hút đầu tư do hạ tầng chưa đồng bộ, trong khi nguồn lực đầu tư từ ngân sách dành cho khu vực này rất thấp. Do đó, cần phải tiếp tục có chính sách khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư hạ tầng CCN và đầu tư SXKD khu vực ngoài KKT, ngoài KCN (KKT, KCN đã có các chính sách riêng), đặc biệt tại khu vực miền núi, nhằm hạn chế nguy cơ mất cân đối trong phát triển SXCN.

Thời gian tới, Thanh Hóa sẽ có bước phát triển đột phá về kinh tế - xã hội, kéo theo sự phát triển nhanh chóng của dịch vụ thương mại. Trên thực tế, hệ thống hạ tầng thương mại còn nhiều bất cập, nhất là hệ thống chợ. Sau thời gian tồn tại khá lâu mô hình quản lý bao cấp, chợ cần được xã hội hóa để huy động nguồn lực đầu tư và phương án quản lý hiệu quả. Tuy nhiên, thời gian qua, việc chuyển đổi mô hình quản lý, kinh doanh, khai thác chợ chưa đạt kế hoạch, nguyên nhân là do các chợ nằm ở thành phố Thanh Hóa, thị xã và các thị trấn huyện có giá thuê đất quá cao; các chợ nông thôn, miền núi hoạt động mua bán lại không thực sự sôi động, giá cho thuê quầy không thể đẩy lên quá cao, nên hiệu quả đầu tư chợ thấp. Do đó, cần có chính sách hỗ trợ các Doanh nghiệp đầu tư chợ, gắn với chuyển đổi mô hình quản lý, kinh doanh, khai thác chợ để đẩy nhanh việc xã hội hóa trong thu hút đầu tư, kinh doanh, khai thác chợ.

- **Thứ hai:** Kỳ thực hiện các chính sách hiện có thuộc lĩnh vực Công Thương đã kết thúc vào năm 2015. UBND tỉnh chỉ đạo Sở Công Thương rà soát các chính sách đã ban hành, tham mưu sửa đổi, bổ sung xây dựng chính sách mới cho giai đoạn đến năm 2020.

- **Thứ ba:** Sự thay đổi quy định của pháp luật. Trong phạm vi cả nước, chính sách khuyến công đã được thay đổi, áp dụng theo Nghị định số 45/2012/NĐ-CP;

Chính sách hỗ trợ chợ nông thôn áp dụng theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP. Do đó, chính sách của tỉnh cần căn cứ các quy định mới đề ban hành cho phù hợp với quy định pháp luật và tình hình thực tế trên địa bàn tỉnh.

Trước những yêu cầu thực tế nêu trên, tại Kết luận số 71-KL/TU ngày 19 tháng 6 năm 2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về rà soát các chính sách thuộc lĩnh vực kinh tế, văn hóa - xã hội do HĐND, UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành giai đoạn 2016 - 2020, định hướng xây dựng chính sách Công Thương cho giai đoạn tới được xác định:

- + Bãi bỏ Chính sách hỗ trợ sản xuất kinh doanh hàng xuất khẩu;
- + Sửa đổi, bổ sung 2 chính sách còn lại, gồm: Chính sách khuyến khích phát triển TTCN và ngành nghề và Chính sách hỗ trợ đầu tư chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, gộp lại thành thành chính sách chung cho lĩnh vực Công Thương.

## II. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH

Thực hiện nhiệm vụ xây dựng chính sách, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Công Thương tiến hành triển khai công tác rà soát kết quả thực hiện các chính sách trong lĩnh vực Công Thương giai đoạn trước năm 2015; nghiên cứu các chính sách hiện hành của nhà nước về lĩnh vực công nghiệp, thương mại; tham khảo chính sách hỗ trợ ở một số tỉnh; tranh thủ ý kiến của các đơn vị thuộc Bộ Công Thương, đặc biệt là Cục Công nghiệp địa phương; khảo sát tình hình thực tế trên địa bàn tỉnh để xây dựng: *"Một số chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp và thương mại tỉnh Thanh Hóa đến năm 2021"*. Sau khi hoàn thành dự thảo, Sở Công Thương đã tổ chức hội thảo rộng rãi với các thành phần và đối tượng liên quan, như: Đại diện các Sở, Ngành, Doanh nghiệp, Hiệp hội doanh nghiệp, VCCI, Cơ quan báo chí...; tổ chức lấy ý kiến tham gia bằng văn bản của 34 đơn vị (7 sở và 27 UBND huyện, thị xã, thành phố); tham vấn các đơn vị liên quan của Bộ Công Thương như: Cục Công nghiệp địa phương, Vụ Thị trường trong nước, Vụ Kế hoạch. Trên cơ sở đó, Sở Công Thương đã tiếp thu và chỉnh sửa dự thảo Chính sách gồm 14 nội dung: Hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp (CCN); hỗ trợ kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng CCN; hỗ trợ mua sắm máy móc thiết bị tiên tiến; hỗ trợ về tín dụng đầu tư dây chuyền sản xuất tiên tiến; hỗ trợ trình diễn kỹ thuật; hỗ trợ di dời các cơ sở sản xuất ra khỏi khu dân cư; hỗ trợ đầu tư xử lý môi trường; thưởng thành tích phát triển TTCN; thưởng thành tích cho công tác phát triển nghề; thưởng làng nghề, làng nghề truyền thống; thưởng cho các sản phẩm tiêu biểu cấp tỉnh, cấp khu vực và cấp Trung ương; thưởng cho các cá nhân đạt các danh hiệu nghề nhân nghề TTCN.

Dự thảo Chính sách đã được UBND tỉnh tổ chức nghe, cho ý kiến chỉ đạo tại 7 hội nghị và được Ban cán sự Đảng UBND tỉnh báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại cuộc họp ngày 25-26/8/2016. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã có Kết luận số 41-KL/TU ngày 29 tháng 8 năm 2016 về chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp, thương mại đến năm 2020; chính sách khuyến khích, hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động đến năm 2020 và chính sách hỗ trợ hoạt động và thu hút, đào tạo cán bộ, giảng viên cho Phân hiệu Đại học Y Hà Nội tại Thanh Hóa.

Thực hiện Kết luận số 41-KL/TU ngày 29 tháng 8 năm 2016, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Công Thương hoàn chỉnh dự thảo Quyết định theo đúng Kết luận của Ban thường vụ Tỉnh ủy và tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định.

### **III. MỤC TIÊU CHÍNH SÁCH**

Chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và thương mại đặt mục tiêu hỗ trợ cụ thể cho giai đoạn 2016 - 2021 (đã điều chỉnh từ giai đoạn 2016 - 2020 thành giai đoạn 2016 - 2021 theo Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy), gồm:

- Hỗ trợ được 5 cụm công nghiệp (CCN) được đầu tư kết cấu hạ tầng.
- Hỗ trợ các dự án đầu tư sản xuất công nghiệp (SXCN), tiểu thủ công nghiệp (TTCN) vào khu vực miền núi, như: Hỗ trợ giải quyết việc làm ổn định từ 12 tháng trở lên cho 18.000 lao động; hỗ trợ một phần kinh phí để thực hiện công tác san lấp mặt bằng, xây dựng hạ tầng về giao thông, điện, nước, nhà xưởng và hệ thống xử lý chất thải được 12 dự án thuộc Danh mục dự án khuyến khích đầu tư vào khu vực miền núi (gồm các dự án sản xuất trong lĩnh vực như: May mặc, giấy da, sản xuất hàng TCMN, dược liệu, gạch không nung, phân bón sinh học).
- Hỗ trợ nhân cấy nghề tạo thành làng nghề mới, hoặc khôi phục làng nghề, làng nghề truyền thống cho 92 làng (bao gồm 67 làng được công nhận từ năm 2011 đến nay và khoảng 25 làng giai đoạn 2017 - 2021).

- Hỗ trợ tiền thuê đất được 106 chợ.

### **IV. NỘI DUNG CHÍNH SÁCH**

#### **1. Hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp (CCN)**

##### **a) Đối tượng, điều kiện hỗ trợ**

Các doanh nghiệp, Liên hiệp hợp tác xã, Hợp tác xã, Tổ hợp tác được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam, thuê đất để đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng CCN (sau đây gọi là đơn vị kinh doanh hạ tầng CCN), đảm bảo các điều kiện sau:

- CCN thuộc quy hoạch phát triển CCN được UBND tỉnh phê duyệt;
- CCN ngoài địa bàn thành phố Thanh Hóa, thị xã Sầm Sơn, thị xã Bim Sơn;
- CCN chưa được hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng từ ngân sách Trung ương;
- CCN chưa có, hoặc CCN đã có doanh nghiệp đầu tư sản xuất kinh doanh mà có diện tích đất còn lại đạt từ 15 ha trở lên, kể cả diện tích đất mở rộng (nếu có). Riêng CCN thị trấn Mường Lát, huyện Mường Lát, diện tích đất đạt từ 5 ha trở lên.

##### **b) Nội dung và mức hỗ trợ**

Đơn vị kinh doanh hạ tầng CCN ngoài được hưởng các chính sách hiện hành, còn được hỗ trợ một phần kinh phí để đầu tư các hạng mục như: San lấp mặt bằng, xây dựng hệ thống đường nội bộ, hệ thống cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, chất thải, cấp điện, chiếu sáng công cộng, thông tin liên lạc nội bộ, nhà điều hành, nhà bảo vệ phục vụ cho hoạt động của CCN. Mức hỗ trợ như sau:

- Hỗ trợ 1,5 tỷ/ha đối với CCN thuộc địa bàn các huyện 30a; mức hỗ trợ tối đa không quá 40,0 tỷ đồng/CCN. Riêng CCN thị trấn Mường Lát - huyện Mường Lát hỗ trợ 2,3 tỷ đồng/ha;

- Hỗ trợ 1,0 tỷ/ha đối với CCN thuộc các huyện miền núi còn lại; mức hỗ trợ tối đa không quá 28,0 tỷ đồng/CCN;

- Hỗ trợ 0,7 tỷ đồng/ha đối với CCN thuộc các huyện đồng bằng và các huyện ven biển; mức hỗ trợ tối đa không quá 20,0 tỷ đồng/CCN.

### **c) Thời điểm hỗ trợ**

Sau khi CCN đạt tỷ lệ lấp đầy tối thiểu 30% (theo quy định tại Khoản 7, Điều 2, Quyết định 105/2009/QĐ-TTg ngày 19/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý CCN).

## **2. Hỗ trợ dự án đầu tư sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp vào các huyện miền núi**

Dự án đầu tư SXCN, TTCN vào các huyện miền núi, được hỗ trợ một phần kinh phí tuyển dụng lao động vào làm việc và đầu tư dự án. Cụ thể như sau:

### **2.1- Hỗ trợ thu hút lao động tại các huyện miền núi**

#### **a) Đối tượng, điều kiện hỗ trợ**

Các Doanh nghiệp, Liên hiệp hợp tác xã, Hợp tác xã, Tổ hợp tác được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam (sau đây gọi là chủ đầu tư), đầu tư dự án SXCN, TTCN vào các huyện miền núi tỉnh Thanh Hóa, đảm bảo các điều kiện sau:

- Dự án chưa được hỗ trợ đào tạo lao động theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn;

- Dự án thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư vào các huyện miền núi, quy định tại Danh mục các dự án SXCN, TTCN khuyến khích đầu tư vào các huyện miền núi của tỉnh, kèm theo Tờ trình này;

- Dự án sử dụng từ 50 lao động trở lên, đối với các huyện 30a và từ 100 lao động trở lên, đối với các huyện miền núi còn lại;

- Lao động được ký hợp đồng không xác định thời hạn, kể từ ngày chính sách này có hiệu lực và đóng bảo hiểm xã hội tại doanh nghiệp, có việc làm ổn định từ 12 tháng trở lên.

#### **b) Nội dung và mức hỗ trợ**

Chủ đầu tư được hỗ trợ một phần kinh phí sử dụng lao động. Mức hỗ trợ:

- Đối với các dự án đầu tư thuộc các huyện 30a: Sử dụng từ 50 lao động đến 100 lao động: Hỗ trợ 1,0 triệu đồng/người; từ lao động thứ 101 đến 500: Hỗ trợ 1,2 triệu đồng/người; từ lao động thứ 501 trở lên: Hỗ trợ 1,5 triệu đồng/người.

- Đối với các dự án đầu tư thuộc các huyện miền núi còn lại: Sử dụng từ 100 lao động đến 500 lao động: Hỗ trợ 0,5 triệu đồng/người; từ lao động thứ 501 đến 1.000: Hỗ trợ 0,7 triệu đồng/người; từ lao động thứ 1.001 trở lên: Hỗ trợ 1,0 triệu đồng/người.

**d) Thời điểm hỗ trợ**

Sau 12 tháng, kể từ khi dự án đi vào hoạt động.

**2.2- Hỗ trợ đầu tư dự án SXCN, TTCN vào các huyện miền núi**

**a) Đối tượng, điều kiện hỗ trợ**

Chủ đầu tư, thực hiện đầu tư dự án SXCN, TTCN vào các huyện miền núi tỉnh Thanh Hóa, đảm bảo các điều kiện sau:

- Dự án chưa được hỗ trợ theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn;

- Dự án thuộc các lĩnh vực khuyến khích đầu tư vào các huyện miền núi, có quy mô quy định tại Danh mục các dự án SXCN, TTCN khuyến khích đầu tư vào các huyện miền núi của tỉnh, kèm theo Tờ trình này.

**b) Nội dung và mức hỗ trợ**

Chủ đầu tư được hỗ trợ một phần kinh phí để thực hiện các công việc như: San lấp mặt bằng, xây dựng hạ tầng về giao thông, điện, nước, nhà xưởng và xử lý chất thải. Mức hỗ trợ:

- Dự án ngoài KCN, CCN: Hỗ trợ 1,5 tỷ đồng/ha đối với các dự án tại các huyện 30a; hỗ trợ 1,0 tỷ đồng/ha đối với các dự án tại các huyện miền núi còn lại.

- Dự án trong các CCN chưa có đơn vị đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng: Hỗ trợ 2,0 tỷ đồng/ha đối với các dự án tại các huyện 30a; hỗ trợ 1,5 tỷ đồng/ha đối với các dự án tại các huyện miền núi còn lại.

**c) Thời điểm hỗ trợ**

Sau khi dự án đã hoàn thành công việc san lấp mặt bằng.

**3. Hỗ trợ phát triển nghề TTCN**

**a) Đối tượng, điều kiện hỗ trợ**

- Các tổ chức, cá nhân hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam, du nhập, nhân cấy được nghề tạo thành làng nghề mới hoặc khôi phục được làng nghề, làng nghề truyền thống theo quy định tại Thông tư số 116/2006/TT-BNN ngày 28 tháng 12 năm 2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2006 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.

- Làng nghề, làng nghề truyền thống được UBND tỉnh công nhận kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2011.

**b) Nội dung và mức hỗ trợ**

Hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân, du nhập, nhân cấy được nghề mới, tạo thành làng nghề hoặc khôi phục được làng nghề, làng nghề truyền thống, được UBND tỉnh công nhận, được hỗ trợ một phần kinh phí. Mức hỗ trợ 300 triệu đồng/làng nghề.

**c) Thời điểm hỗ trợ**

Sau khi có quyết định công nhận làng nghề hoặc làng nghề truyền thống của UBND tỉnh.

#### **4. Hỗ trợ tiền thuê đất đầu tư chợ**

##### ***a) Đối tượng hỗ trợ***

Các Doanh nghiệp, Hợp tác xã, đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, mở rộng chợ theo kế hoạch chuyển đổi mô hình quản lý, kinh doanh, khai thác chợ được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt, hoặc đầu tư xây dựng mới chợ theo quy hoạch.

##### ***b) Nội dung và mức hỗ trợ***

- Hỗ trợ 100% tiền thuê đất cho toàn bộ thời gian thuê đất thực hiện dự án kinh doanh, khai thác chợ đối với các chợ thuộc địa bàn xã ở các huyện;

- Hỗ trợ 30% tiền thuê đất cho toàn bộ thời gian thuê đất thực hiện dự án kinh doanh, khai thác chợ đối với các chợ thuộc địa bàn thành phố Thanh Hóa, thị xã Bim Sơn, thị xã Sầm Sơn và các thị trấn huyện;

- Đối với các dự án đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, mở rộng chợ, đã triển khai trong giai đoạn 2011 - 2015 nhưng chưa được hỗ trợ theo Chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng chợ, siêu thị, trung tâm thương mại trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa theo Nghị quyết số 173/2010/NQ-HĐND ngày 08/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa 15, kỳ họp thứ 18, được tiếp tục hỗ trợ theo quy định của Chính sách này.

##### ***c) Thời điểm hỗ trợ***

Sau khi có quyết định cho thuê đất của cấp có thẩm quyền.

#### **V. KINH PHÍ VÀ THỜI GIAN HỖ TRỢ**

##### **1. Dự kiến kinh phí hỗ trợ tối đa theo Chính sách**

- Tổng kinh phí 5 năm (2017 - 2021): 412,2 tỷ đồng

Trong đó: + Lĩnh vực công nghiệp: 199,6 tỷ đồng;

+ Lĩnh vực Thương mại: 212,6 tỷ đồng;

Nguồn vốn: + Nguồn sự nghiệp kinh tế: 199,6 tỷ đồng;

+ Bằng hình thức ghi thu, ghi chi ngân sách: 212,6 tỷ đồng;

- Bình quân 5 năm 2017-2021: 82,4 tỷ đồng/năm

Trong đó: + Lĩnh vực công nghiệp: 39,9 tỷ đồng/năm;

+ Lĩnh vực Thương mại: 42,5 tỷ đồng/năm;

Nguồn vốn: + Nguồn sự nghiệp kinh tế: 39,9 tỷ đồng/năm;

+ Bằng hình thức ghi thu, ghi chi ngân sách: 42,5 tỷ đồng/năm.

##### **2. Nguồn kinh phí**

Từ nguồn ngân sách tỉnh phân bổ hàng năm theo kế hoạch.

##### **3. Thời gian hỗ trợ:**

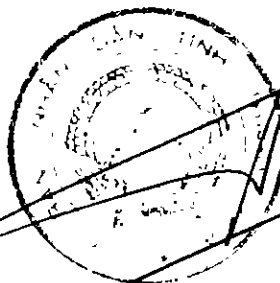
Từ ngày quyết định ban hành chính sách có hiệu lực đến ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Trên đây là nội dung chủ yếu của dự thảo Nghị quyết về Một số chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp, thương mại tỉnh Thanh Hóa; Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- TTr Tỉnh ủy (để b/c);
- TTr HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Ban KTNS - HĐND tỉnh;
- Sở Công Thương;
- Lưu: VT, CN, KTTC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Ngô Văn Tuấn**

**DANH MỤC**  
**CÁC DỰ ÁN SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP,**  
**TIÊU THỦ CÔNG NGHIỆP KHUYẾN KHÍCH ĐẦU TƯ**  
**VÀO CÁC HUYỆN MIỀN NÚI TỈNH THANH HÓA**  
*(Kèm theo Tờ trình số: 166/TTr-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2016*  
*của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

| STT | Lĩnh vực thu hút đầu tư              | Quy mô đầu tư                                                                    |
|-----|--------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Dự án dệt may, da giày               | Công suất từ 0,5 triệu SP/năm trở lên, thu hút, sử dụng từ 300 lao động trở lên. |
| 2   | Dự án sản xuất đồ mộc gia dụng       | Công suất từ 1.000 SP/năm trở lên, thu hút, sử dụng 50 lao động trở lên.         |
| 3   | Dự án sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ | Sử dụng từ 50 lao động trở lên                                                   |
| 4   | Nhà máy sản xuất dược liệu           | Công suất từ 3.000 tấn/năm trở lên                                               |
| 5   | Nhà máy sản xuất gạch không nung     | Công suất từ 15 triệu viên/năm trở lên                                           |
| 6   | Nhà máy sản xuất phân bón sinh học   | Công suất từ 15.000 tấn/năm trở lên                                              |

Số: /2016/NQ-HĐND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2016

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc ban hành Một số chính sách khuyến khích  
phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và  
thương mại tỉnh Thanh Hóa.**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA  
KHÓA....., KỲ HỌP THỨ.....**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;*

*Căn cứ Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;*

*Căn cứ Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ về công tác quản lý và phát triển chợ; Nghị định số 114/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ về công tác quản lý và phát triển chợ;*

*Căn cứ Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 26/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 18 tháng 02 năm 2014 của liên Bộ Tài Chính - Bộ Công Thương hướng dẫn trình tự lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương;*

Sau khi xem xét Tờ trình số..... ngày ..... tháng ..... năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc đề nghị ban hành Một số chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và thương mại tỉnh Thanh Hóa; Báo cáo thẩm tra số..... ngày ..... tháng ..... năm 2016 của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa và ý kiến tham gia của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa,

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Tán thành Tờ trình số ..... ngày ..... tháng ..... năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc đề nghị ban hành Một số chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và thương mại tỉnh Thanh Hóa, với những nội dung chủ yếu như sau:

### **1. Hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp (CCN)**

#### **a) Đối tượng, điều kiện hỗ trợ:**

Các doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam, thuê đất để đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng CCN (sau đây gọi là đơn vị kinh doanh hạ tầng CCN), đảm bảo các điều kiện sau:

- CCN thuộc quy hoạch phát triển CCN được UBND tỉnh phê duyệt;
- CCN ngoài địa bàn thành phố Thanh Hóa, thị xã Sầm Sơn, thị xã Bim Sơn;
- CCN chưa được hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng từ ngân sách Trung ương;
- CCN chưa có, hoặc CCN đã có doanh nghiệp đầu tư sản xuất kinh doanh, có diện tích đất còn lại từ 15 ha trở lên, kể cả diện tích đất mở rộng (nếu có). Riêng CCN thị trấn Mường Lát - huyện Mường Lát, diện tích đất từ 5 ha trở lên.

#### **b) Nội dung và mức hỗ trợ:**

Đơn vị kinh doanh hạ tầng CCN ngoài được hưởng các chính sách hiện hành, còn được hỗ trợ một phần kinh phí để đầu tư các hạng mục như: San lấp mặt bằng, xây dựng hệ thống đường nội bộ, hệ thống cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, chất thải, cấp điện, chiếu sáng công cộng, thông tin liên lạc nội bộ, nhà điều hành, nhà bảo vệ phục vụ cho hoạt động của CCN. Mức hỗ trợ như sau:

- Hỗ trợ 1,5 tỷ/ha đối với CCN thuộc địa bàn các huyện 30a; mức hỗ trợ tối đa không quá 40,0 tỷ đồng/CCN. Riêng CCN thị trấn Mường Lát - huyện Mường Lát hỗ trợ 2,3 tỷ đồng/ha;
- Hỗ trợ 1,0 tỷ/ha đối với CCN thuộc các huyện miền núi còn lại; mức hỗ trợ tối đa không quá 28,0 tỷ đồng/CCN;
- Hỗ trợ 0,7 tỷ đồng/ha đối với CCN thuộc các huyện đồng bằng và các huyện ven biển; mức hỗ trợ tối đa không quá 20,0 tỷ đồng/CCN.

#### **c) Thời điểm hỗ trợ:**

Sau khi CCN đạt tỷ lệ lấp đầy tối thiểu 30% (theo quy định tại Khoản 7, Điều 2, Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg ngày 19/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý CCN).

## **2. Hỗ trợ dự án đầu tư sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp vào các huyện miền núi**

Dự án đầu tư SXCN, TTCN vào các huyện miền núi, được hỗ trợ một phần kinh phí tuyển dụng lao động vào làm việc và đầu tư dự án. Cụ thể như sau:

### **2.1- Hỗ trợ thu hút lao động tại các huyện miền núi**

#### ***a) Đối tượng, điều kiện hỗ trợ:***

Các doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, tổ hợp tác được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam (sau đây gọi là chủ đầu tư), đầu tư dự án SXCN, TTCN vào các huyện miền núi tỉnh Thanh Hóa, đảm bảo các điều kiện sau:

- Dự án chưa được hỗ trợ đào tạo lao động theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn;

- Dự án thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư vào các huyện miền núi, qui định tại Danh mục các dự án SXCN, TTCN khuyến khích đầu tư vào các huyện miền núi tỉnh Thanh Hóa (kèm theo Nghị quyết này);

- Dự án sử dụng từ 50 lao động trở lên, đối với các huyện 30a; và từ 100 lao động trở lên, đối với các huyện miền núi còn lại;

- Lao động được ký hợp đồng không xác định thời hạn, kể từ ngày chính sách này có hiệu lực và đóng bảo hiểm xã hội tại doanh nghiệp, có việc làm ổn định từ 12 tháng trở lên.

#### ***b) Nội dung và mức hỗ trợ:***

Chủ đầu tư được hỗ trợ một phần kinh phí sử dụng lao động. Mức hỗ trợ:

- Đối với các dự án đầu tư thuộc các huyện 30a: Sử dụng từ 50 lao động đến 100 lao động, mỗi lao động được hỗ trợ 1,0 triệu đồng/người; từ lao động thứ 101 đến 500 lao động, mỗi lao động được hỗ trợ 1,2 triệu đồng/người; từ lao động thứ 501 trở lên, mỗi lao động được hỗ trợ 1,5 triệu đồng/người.

- Đối với các dự án đầu tư thuộc các huyện miền núi còn lại: Sử dụng từ 100 lao động đến 500 lao động, mỗi lao động được hỗ trợ 0,5 triệu đồng/người; từ lao động thứ 501 đến 1.000 lao động, mỗi lao động được hỗ trợ 0,7 triệu đồng/người; từ lao động thứ 1.001 trở lên, mỗi lao động được hỗ trợ 1,0 triệu đồng/người.

#### ***d) Thời điểm hỗ trợ:***

Sau 12 tháng, kể từ khi dự án đi vào hoạt động.

### **2.2- Hỗ trợ đầu tư dự án SXCN, TTCN vào các huyện miền núi**

#### ***a) Đối tượng, điều kiện hỗ trợ:***

Chủ đầu tư dự án SXCN, TTCN vào các huyện miền núi tỉnh Thanh Hóa, đảm bảo các điều kiện sau:

- Dự án chưa được hỗ trợ theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn;

- Dự án thuộc các lĩnh vực khuyến khích đầu tư vào các huyện miền núi, có qui mô qui định tại Danh mục các dự án SXCN, TTCN khuyến khích đầu tư vào các huyện miền núi tỉnh Thanh Hóa (kèm theo Nghị quyết này).

***b) Nội dung và mức hỗ trợ:***

Chủ đầu tư được hỗ trợ một phần kinh phí để thực hiện các công việc như: San lấp mặt bằng, xây dựng hạ tầng về giao thông, điện, nước, nhà xưởng và xử lý chất thải. Mức hỗ trợ:

- Dự án ngoài KCN, CCN: Hỗ trợ 1,5 tỷ đồng/ha đối với các dự án tại các huyện 30a; hỗ trợ 1,0 tỷ đồng/ha đối với các dự án tại các huyện miền núi còn lại.

- Dự án trong các CCN chưa có đơn vị đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng: Hỗ trợ 2,0 tỷ đồng/ha đối với các dự án tại các huyện 30a; hỗ trợ 1,5 tỷ đồng/ha đối với các dự án tại các huyện miền núi còn lại.

***c) Thời điểm hỗ trợ:***

Sau khi dự án đã hoàn thành công việc san lấp mặt bằng.

**3. Hỗ trợ phát triển nghề TTCN**

***a) Đối tượng, điều kiện hỗ trợ:***

- Các tổ chức, cá nhân hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam, có thành tích du nhập được nghề tạo thành làng nghề mới hoặc khôi phục được làng nghề, làng nghề truyền thống, theo quy định tại Thông tư số 116/2006/TT-BNN ngày 28 tháng 12 năm 2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2006 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.

- Làng nghề, làng nghề truyền thống được UBND tỉnh công nhận kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2011.

***b) Nội dung và mức hỗ trợ:***

Hỗ trợ một phần kinh phí cho các tổ chức, cá nhân có thành tích nhân cấy được nghề mới, tạo thành làng nghề hoặc khôi phục được làng nghề, làng nghề truyền thống, được UBND tỉnh công nhận. Mức hỗ trợ 300 triệu đồng/làng nghề.

***c) Thời điểm hỗ trợ:***

Hỗ trợ sau khi có quyết định công nhận làng nghề hoặc làng nghề truyền thống của UBND tỉnh.

**4. Hỗ trợ tiền thuê đất đầu tư chợ**

***a) Đối tượng hỗ trợ:***

Các doanh nghiệp, hợp tác xã, đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, mở rộng chợ theo kế hoạch chuyển đổi mô hình quản lý, kinh doanh, khai thác chợ được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt, hoặc đầu tư xây dựng mới chợ theo quy hoạch.

***b) Nội dung và mức hỗ trợ:***

- Hỗ trợ 100% tiền thuê đất cho toàn bộ thời gian thuê đất thực hiện dự án, kinh doanh khai thác chợ đối với các chợ thuộc địa bàn xã ở các huyện.

- Hỗ trợ 30% tiền thuê đất cho toàn bộ thời gian thuê đất thực hiện dự án, kinh doanh khai thác chợ đối với các chợ thuộc địa bàn thành phố Thanh Hóa, thị xã Bim Sơn, thị xã Sầm Sơn và các thị trấn huyện.

- Đối với các dự án đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, mở rộng chợ, đã triển khai trong giai đoạn 2011 - 2015, nhưng chưa được hưởng hỗ trợ theo Chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng chợ, siêu thị, trung tâm thương mại trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá theo Nghị quyết số 173/2010/NQ-HĐND ngày 08/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khoá 15, kỳ họp thứ 18, được tiếp tục hỗ trợ theo quy định của Chính sách này.

***c) Thời điểm hỗ trợ***

Sau khi có quyết định cho thuê đất của cấp có thẩm quyền.

**5. Nguồn kinh phí hỗ trợ:**

Từ nguồn ngân sách tỉnh phân bổ hàng năm theo kế hoạch.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định hiện hành của pháp luật, quy định chặt chẽ về phạm vi, đối tượng, nội dung, hồ sơ, thủ tục và trình tự thực hiện chính sách; quyết định việc sửa đổi, bổ sung Danh mục các dự án SXCN, TTCN khuyến khích đầu tư vào các huyện miền núi của Tỉnh; quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện cơ chế chính sách theo đúng quy định; định kỳ báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khóa ...., kỳ họp thứ .... thông qua ngày .... tháng .... năm 2016, có hiệu lực từ ngày.... tháng ..... năm 2016 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021; thay thế Nghị quyết số 48/2006/NQ-HĐND ngày 28 tháng 7 năm 2006 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về cơ chế chính sách khuyến khích phát triển tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa và nghị quyết số 95/2008/NQ-HĐND

ngày 19 tháng 7 năm 2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc sửa đổi Nghị quyết số 48/2006/NQ-HĐND./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (để b/c);
- Chính phủ (để b/c);
- Các bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản);
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND, UBND tỉnh; UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục thi hành án dân sự;
- Các Sở, ban, ngành đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công báo tỉnh;
- Website: <http://thanhhoadbnd.vn>;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

**Trịnh Văn Chiến**

**DANH MỤC**  
**CÁC DỰ ÁN SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP,**  
**TIÊU THỦ CÔNG NGHIỆP KHUYẾN KHÍCH ĐẦU TƯ**  
**VÀO CÁC HUYỆN MIỀN NÚI TỈNH THANH HÓA**  
*(Kèm theo Nghị quyết số:      ngày      của HĐND tỉnh Thanh Hóa)*

| STT | Tên Dự án                            | Quy mô đầu tư                                                                    |
|-----|--------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Dự án dệt may, da giày               | Công suất từ 0,5 triệu SP/năm trở lên, thu hút, sử dụng từ 300 lao động trở lên. |
| 2   | Dự án sản xuất đồ mộc gia dụng       | Công suất từ 1.000 SP/năm trở lên, thu hút, sử dụng 50 lao động trở lên.         |
| 3   | Dự án sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ | Sử dụng từ 50 lao động trở lên                                                   |
| 4   | Nhà máy sản xuất dược liệu           | Công suất từ 3.000 tấn/năm trở lên                                               |
| 5   | Nhà máy sản xuất gạch không nung     | Công suất từ 15 triệu viên/năm trở lên                                           |
| 6   | Nhà máy sản xuất phân bón sinh học   | Công suất từ 15.000 tấn/năm trở lên                                              |